

**THÔNG TIN THUỐC tháng 11/2023**  
**V/v Cập nhật hướng dẫn pha tiêm và bảo quản một số kháng sinh**

Kính gửi: Các khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu.

Căn cứ Quyết định 372/QĐ-BV ngày 08/06/2021 của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu về việc thành lập đơn vị thông tin thuốc trong Bệnh viện;

Căn cứ Thông tư 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Nhằm mục đích cung cấp thông tin pha tiêm và bảo quản một số kháng sinh, đáp ứng nhu cầu sử dụng an toàn và hiệu quả, cũng như chủ động, linh hoạt và đáp ứng kịp thời trong điều trị. Đơn vị Thông tin thuốc cập nhật thông tin hướng dẫn sử dụng các thuốc kháng sinh nhóm như sau:

*Phụ lục I: Hướng dẫn pha tiêm và bảo quản một số thuốc kháng sinh đường tiêm*

Theo khoản 2 điều 3 Thông tư 20/2022/TT-BYT: “Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong trường hợp chỉ định thuốc phù hợp với chỉ định của một trong các tài liệu sau”:

- Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép;
- Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc của thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu đã được Bộ Y tế cấp phép;
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế;
- Dược thư Quốc gia Việt Nam phiên bản mới nhất.

Một số chú ý khi pha tiêm:

- Theo quan điểm vi sinh học và vô trùng, phải dùng thuốc ngay sau khi pha.
- Không được dùng dung dịch thuốc khi xuất hiện bất thường (biến màu hoặc kết tinh).
- Không được sử dụng thuốc đã bị đóng băng trong quá trình bảo quản.
- Dạng thuốc ống chỉ sử dụng 1 lần sau khi đã mở ống

Nay đơn vị thông tin thuốc thông báo để các khoa lâm sàng nắm thông tin và chủ động trong kê đơn sử dụng điều trị./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu: ĐVTTL



**P. Giám đốc**  
**BS. Nguyễn Ích Tuấn**

**ĐV THÔNG TIN THUỐC**

A handwritten signature in black ink, likely belonging to the Pharmacist (DS. Viên Cẩm Tú).

**DS. Viên Cẩm Tú**

**Phụ lục I: HƯỚNG DẪN PHA CHẾ VÀ SỬ DỤNG MỘT SỐ THUỐC KHÁNG SINH ĐƯỜNG TIÊM**  
(Ban hành kèm Thông tin thuốc số 46/TTT-BV ngày 22/11/2023 của Hội đồng thuốc và điều trị)

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I. Kháng sinh nhóm penicillin</b>								
1	<b>PENICILLIN 1.000.000 IU</b>	<i>Benzylpenicilin (Penicillin G)</i>	1MUI (600mg)	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> bột pha tiêm + 2ml NCPT <b>TM:</b> bột pha tiêm + 4-10ml NCPT (Tiêm ít nhất trong 3 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 10 dd NaCl 0,9%, dung dịch hoàn nguyên pha loãng với 50-100 ml dd NaCl 0,9% (truyền 20-30 phút).	Dung dịch Penicillin G ổn định ở nhiệt độ phòng ( $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ) trong vòng 12h hoặc 4 ngày ở tủ lạnh ( $5 \pm 2^{\circ}\text{C}$ )	Cty CP hóa-Dược phẩm Mekophar-VN	
2	<b>AMPICILLIN 1G</b>	<i>Ampicilin (muối natri)</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> bột pha tiêm + 2-3ml nước cất tiêm <b>TM:</b> bột pha tiêm + 2-3ml nước cất tiêm (tiêm chậm 3-6 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 10 ml dd NaCl 0,9%, dung dịch hoàn nguyên được pha với 50-100ml dd NaCl 0,9% (truyền trong 60 phút)	Dung dịch tiêm dùng ngay sau khi pha và tránh đông lạnh	Cty CPDP MINH DÂN- VN	
3	<b>SENTRAM 1G/0,5G 1G + 0.5G</b>	<i>Ampicillin + Sulbactam</i>	1000 mg + 500 mg	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 3,2ml NCPT <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 3,2ml NCPT (Tiêm ít nhất trong 3 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 3,2ml NCPT, dung dịch hoàn nguyên có thể được pha loãng với 50-100 ml dịch pha loãng tương hợp (NCPT, NaCl 0.9%) để truyền tĩnh mạch trong vòng 15-30 phút.	Dung dịch đậm đặc để tiêm bắp trong vòng 1h sau khi pha. Dung dịch sau khi pha NaCl 0,9% bảo quản trong vòng 8h ở $15-25^{\circ}\text{C}$ và 72h ở $4^{\circ}\text{C}$	Cty CPDP MINH DÂN- VN	
4	<b>TICARLINAT 1,5g + 0,1g</b>	<i>Ticarcillin + acid clavulanic</i>	1,5g + 0,1g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 10ml NCPT, tiêm chậm 3-4 phút <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 10ml NCPT, dung dịch hoàn nguyên pha loãng với 50 ml NCPT hoặc 100 ml glucose 5%	Nên truyền tĩnh mạch ngay sau khi hoàn nguyên.	Cty CP DP Imexpharm	
5	<b>COMBIKIT 3g + 0.2g</b>	<i>Ticarcillin + acid clavulanic</i>	3g + 0.2g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20ml NCPT, tiêm chậm 3-4 phút <b>TTM:</b> Hoàn nguyên bột pha tiêm + 10ml NCPT, dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với 100 ml NCPT hoặc 100-150 ml dd glucose 5%	Nên truyền tĩnh mạch ngay sau khi hoàn nguyên.	Cty CP DP Minh Dân	

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
6		<i>Ticarcillin + acid clavulanic</i> <b>(Dược thư quốc gia)</b>		Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 2 ml nước vô khuẩn để tiêm, hoặc thuốc tiêm 1% lidocain hydroclorid (không có epinephrin), hoặc thuốc tiêm 0,9% natri clorid vào lọ 1 g. <b>TM:</b> Bột pha tiêm + cho thêm ít nhất 4 ml thuốc tiêm dextrose 5%, hoặc natri clorid 0,9%, hoặc Ringer lactat vào lọ 1 g. <b>TTM:</b> pha loãng thêm để truyền tĩnh mạch			
7	<b>BASULTAM</b>	<i>Cefoperazon + Sulbactam</i>	1g + 1g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20 ml dung dịch tương hợp (nước cất pha tiêm, NaCl 0,9%, Glucose 5%) . Tiêm ít nhất trong 3 phút <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + ít nhất 20 ml (NCPT, Glucose 5%, NaCl 0,9%), được dung dịch hoàn nguyên; dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với 50-200 ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) truyền từ 15-60 phút Nếu <b>TTM</b> với Ringer Lactat: Bột pha tiêm + 6,7-10ml nước cất tiêm, sau đó pha loãng với 200 ml dd Ringer Lactate	Bảo quản nhiệt độ < 30 <sup>0</sup> C , tránh ánh sáng	MEDOCHEMI E LTD- CYPRUS	
8	<b>SUNEW TAM 2G 1g + 1g</b>	<i>Cefoperazon + Sulbactam</i>	1g + 1g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 6 ml NCPT, sau khi tan hết thêm 2 ml dd Lidocain 2% <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20 ml dung dịch tương hợp (nước cất pha tiêm , NaCl 0,9%, Glucose 5%). Tiêm ít nhất trong 3 phút <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 20 ml (NCPT, Glucose 5%, NaCl 0,9%), pha loãng tiếp với 50-200 ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%), truyền từ 15-60 phút. Nếu <b>TTM</b> với Ringer Lactat: Bột pha tiêm + 6,7-10ml nước cất tiêm, sau đó pha loãng với 200 ml dd Ringer Lactate	Dung dịch đã pha ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ phòng. Tốt nhất nên dùng thuốc ngay sau khi pha.	Bidiphar 1 - VIỆT NAM	
9	<b>VITAZOVILIN 2g + 0.25g</b>	<i>Piperacilin + tazobactam*</i>	2g + 0.25g	Bột pha tiêm	<b>TTM:</b> bột pha tiêm + 10 ml NCPT, pha loãng tiếp với 50-200 ml NaCl 0.9% hoặc dextrose 5% truyền chậm hơn 30 phút.	Dung dịch sau khi pha ổn định ở nhiệt độ phòng trong 24h hoặc 4 <sup>0</sup> C không quá 48giờ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	<b>TAZOPELIN 4.5G</b>	<i>Piperacillin monohydrate +Tazobactam</i>	4g+0,5g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20ml (nước cất tiêm, NaCl 0,9%) (tiêm trong 5 phút) <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 20ml (nước cất tiêm, NaCl 0,9%, sau đó pha pha loãng thành ít nhất 50-200 ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) truyền trong 20-30 phút	Dung dịch hoàn nguyên được bảo quản trong vòng 12h ở nhiệt độ < 25°C, 24h ở nhiệt độ 2-8°C	BIDIPHAR- VN	
11		<i>Piperacilin + tazobactam*</i> ( <i>Được thư quốc gia 2018</i> )		Bột pha tiêm.	<b>TB:</b> Mỗi gam bột pha với 2 ml nước cất hoặc dung dịch lidocain 0,5 - 1% (không có epinephrin). Không được tiêm bắp một lần quá 2 g (đối với người lớn) hoặc không quá 0,5 g (đối với trẻ em). <b>TM:</b> Mỗi gam piperacilin pha ít nhất vào 5 ml nước cất để tiêm <b>TTM:</b> Mỗi gam bột pha với ít nhất 5 ml nước cất, rồi pha loãng với dịch truyền thành 50 ml (nước cất pha tiêm, dung dịch glucose 5% và dung dịch natri clorid 0,9%) để truyền trong vòng 20 - 40 phút	Dung dịch thuốc đã pha vẫn ổn định về mặt hóa học ít nhất trong 24 giờ ở nhiệt độ phòng hoặc 48 giờ ở 4°C		
12	<b>CLAMINAT 1,2 G 1g + 0.2g</b>	<i>Amoxicilin + acid clavulanic</i>	1g + 0.2g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20 ml NCPT (Truyền từ 2-3 phút). <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 20ml (NCPT, dd NaCl 0,9%), sau đó tiếp tục pha loãng với 50-100 ml dung môi tương hợp (NCPT, NaCl 0,9%; natri lactac, Ringer lactac)	Bảo quản thuốc viên và bột pha tiêm ở nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 25 °C. Khi tạo thành hỗn dịch, thuốc giữ được trong 7 ngày nếu được bảo quản trong tủ lạnh từ 2-8°C (không để đóng băng).	Cty CP DP Imexpharm	
13	<b>CLAMOGENTIN 1g + 0.2g</b>	<i>Amoxicilin + acid clavulanic</i>	1g + 0.2g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20 ml NCPT hoặc NaCl 0,9%. <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + với 20ml NCPT hoặc dd NaCl 0,9%, sau đó tiếp tục pha loãng với 50-100 ml dung môi tương hợp (NCPT, NaCl 0,9%; natri lactac, Ringer lactac)	Bảo quản thuốc viên và bột pha tiêm ở nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 25 °C. Khi tạo thành hỗn dịch, thuốc giữ được trong 7 ngày nếu được bảo quản trong tủ lạnh từ 2-8°C (không để đóng băng).	VCP	
<b>II. Kháng sinh nhóm cephalosporin</b>								
14	<b>ZOLIICEF 1g</b>	<i>Cefazolin</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 3ml (Nước cất pha tiêm, dung dịch natri clorid tiêm 0,9%) <b>TM:</b> pha 1 g với 10 ml NCPT, tiêm 3-5 phút. <b>TTM:</b> hoàn nguyên 1 g với 10 ml NCPT; dung dịch hoàn nguyên được pha với 50-100 ml	Cefazolin đã pha trong nước cất pha tiêm, dung dịch dextrose tiêm 5%, dung dịch natri clorid 0,9% giữ được ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ phòng và trong 10 ngày nếu bảo quản trong tủ lạnh từ 2 - 8°C	Công ty Cổ phần Pymepharco	

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
					(NCPT, NaCl 0.9%, Glucoso 5%)			
15	<b>CEFUROXIM 750MG</b>	<i>Cefuroxim</i>	750mg	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 3-5 NCPT, lắc nhẹ, hòa tan hoàn toàn. <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 8-10 ml NCPT, lắc nhẹ, hòa tan hoàn toàn. <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + với 8-10 ml NCPT; Pha loãng: với 100 ml dd tương hợp (NCPT; NaCl 0.9%; G5)	Nơi khô, ≤30°C, tránh ánh sáng. Dung dịch tiêm bắp hoặc <b>TM</b> ổn định 8h ở 25°C và 24h ở 2-8°C. Nên pha dung dịch tiêm ngay trước khi sử dụng.	CTCP Tenamyd	
16	<b>CEFUROXIM 1500MG</b>	<i>Cefuroxim</i>	1500 mg	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 6 ml NCPT, lắc nhẹ, hòa tan hoàn toàn. <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 16-20 ml NCPT, lắc nhẹ, hòa tan hoàn toàn. <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 16-20ml NCPT; Pha loãng: với 100 ml dd tương hợp (NCPT; NaCl 0.9%; G5)	Nơi khô, ≤30°C, tránh ánh sáng. Dung dịch tiêm bắp hoặc <b>TM</b> ổn định 8h ở 25°C và 24h ở 2-8°C. Nên pha dung dịch tiêm ngay trước khi sử dụng.	CTCP Tenamyd	
17	<b>CEFOXITIN NORMON</b>	<i>Cefoxitin</i>	1g	Bột pha tiêm + 10ml NCPT	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 10 ml NCPT <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 10 ml NCPT. Pha loãng tiếp với 50-100 ml dd(NaCl 0.9%, G5, 10%; Natri cacbonat 5%, manitol 5,10%)	Dung dịch ổn định 6 giờ sau khi pha ở nhiệt độ phòng	LABORATOIR ES MERCK SHARP&DOH M CHIBRET-PHÁP	
18	<b>FISULTY 2g</b>	<i>Cefoxitin</i>	2g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 4 ml NCPT <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20 ml dung môi tương hợp (NCPT; NaCl 0.9%, G5) <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 20 ml dung môi tương hợp (NCPT; NaCl 0.9%, G5). Pha loãng tiếp với 50-100 ml dd(NaCl 0.9%, G5, 10%; Natri cacbonat 5%, manitol 5,10%)	Dung dịch ổn định 6 giờ sau khi pha ở nhiệt độ phòng	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Am Vi	
19	<b>CEFTRIAZONE 1G</b>	<i>Ceftriaxon</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 3.5ml dd lidocain 1% <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 10 ml NCPT, thời gian tiêm từ 2-4 phút <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 10 ml NCPT, sau đó pha vào khoảng 40ml dd tiêm truyền như: NaCl 0.9%, Glucoso 5%, 10%. Không dùng dd Ringer lactac	Dung dịch tiêm tĩnh mạch ổn định trong vòng 3 ngày ở nhiệt độ 25°C, 10 ngày ở nhiệt độ 4°C	Công ty CPDP Minh Dân	

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
20	<b>CEFTRIAZONE 1000</b>	<i>Ceftriaxon</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 10 ml (nước cất pha tiêm, Glucose 5%, NaCl 0,9%) được dung dịch tiêm (tiêm 2-4 phút). <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 10 ml (nước cất pha tiêm, Glucose 5%, NaCl 0,9%) được dung dịch tiêm; dung dịch tiêm pha loãng tiếp với 50-100ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) (thời gian truyền ít nhất 30 phút)	Dung dịch pha tiêm tĩnh mạch bảo quản trong vòng 8h ở nhiệt độ 2-8°C. Nên dùng dung dịch mới pha	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	
21		<i>Ceftriaxon (Dược thư quốc gia)</i>			<b>TB:</b> hòa tan lọ 1 g trong 2.1- 3,6 ml dung môi tương hợp (nước vô khuẩn để tiêm, dung dịch tiêm NaCl 0,9%, dung dịch dextrose 5%) <b>TTM:</b> Hòa tan bột với 10 ml một dung dịch thích hợp (nước vô khuẩn để tiêm, dung dịch dextrose 5%, dung dịch NaCl 0,9%) để có được một dung dịch ban đầu khoảng 100 mg/ml. Sau khi hòa tan bột, pha loãng với một thể tích dung dịch thích hợp (50-100 ml). Không dùng dung dịch Ringer lactat hòa tan thuốc để tiêm truyền.	Dung dịch pha tiêm tĩnh mạch bảo quản trong vòng 8h ở nhiệt độ 2-8°C. Nên dùng dung dịch mới pha		
22	<b>ZIDIMBIOTIC</b>	<i>Ceftazidim</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 4ml nước cất tiêm. <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 10ml (Nước cất tiêm, Glucose 5%, NaCl 0,9%) (tiêm từ 3-5 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 10ml (Nước cất tiêm, Glucose 5%, NaCl 0,9%), dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với 50-100ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) (truyền từ 20-30 phút)	Dung dịch sau khi pha xong nên sử dụng ngay, dung dịch ổn định 24h ở nhiệt độ 2-8°C, hoặc 12 giờ ở dưới 25°C và bảo quản trong điều kiện vô trùng.	CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD- VN	
23	<b>MAXAPIN</b>	<i>Cefepim</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 2.4ml (nước cất pha tiêm, NaCl 0,9%, Glucose 5%) <b>TM:</b> Bột pha tiêm 10 ml (NCPT, Glucose 5%, NaCl 0,9%,...) (tiêm từ 3-5 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm với 10 ml (NCPT, Glucose 5%, NaCl 0,9%,...). Dung dịch hoàn nguyên được pha với 50-100ml (Glucose 5%, NaCl 0,9% (truyền 30 phút)	Dung dịch pha tiêm bắp và tiêm tĩnh mạch ổn định trong vòng 24h ở nhiệt độ phòng < 25°C, 7 ngày ở nhiệt độ 2- 8°C	CÔNG TY CP PYMEPHARCO - VN	
<b>III. Kháng sinh Carbapenem</b>								

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
24	<b>IMIPENEM CILASTATIN KABI</b>	<i>Imipenem + Cilastatin</i>	500mg + 500mg	Bột pha tiêm	<b>TTM:</b> Bột pha tiêm trong mỗi lọ được chuyển vào 100ml dung môi tương hợp( NaCl 0.9%, G5%). Có thể pha thuốc như sau: Bột pha tiêm + 10 ml (NaCl 0.9% , Glucose 5%, ...), lắc kỹ và chuyển dd vừa hòa tan trong lọ vào dụng cụ chứa dịch truyền. thêm tiếp 10 ml dd tiêm truyền vào lọ để đảm bảo chuyển hết được thuốc trong lọ vào dung dịch tiêm truyền	Dung dịch sau khi pha loãng sử dụng trong vòng 3h ở nhiệt độ phòng (<25°C), trong vòng 24h ở nhiệt độ (2- 8°C)	ACS Dobfar SpA-Ý	
25	<b>CEPEMID 1G</b>	<i>Imipenem + Cilastatin</i>	500mg + 500mg	Bột pha tiêm	<b>TTM:</b> Pha 1 lọ với các dung dịch truyền thích hợp để có nồng độ khoảng 2.5-5 mg/ml. Có thể thực hiện như sau: hoàn nguyên bột pha tiêm + 10 ml dd (NaCl 0.9%, glucose 5%, 10%, manitol 10%), pha loãng tiếp để được từ 100-200 ml dung dịch môi tương hợp tương đương nồng độ khoảng 2.5-5 mg/ml (truyền từ 30-60 phút).	Dung dịch sau khi pha loãng sử dụng trong vòng 4h ở nhiệt độ phòng (<25°C), trong vòng 24h ở nhiệt độ (2- 8°C)	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	
26	<b>MEROPENEM KABI</b>	<i>Meropenem</i>	500mg	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm +10ml nước cất tiêm (tiêm trong khoảng 5 phút) <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 10ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) được dung dịch hoàn nguyên; dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với 50-200ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) (truyền từ 15 đến 30 phút)	Dung dịch sau khi pha loãng có độ ổn định với NaCl 0,9% trong vòng 4h, Glucose 5% là 1h ở nhiệt độ 15-25°C; với NaCl 0,9% trong vòng 24h, Glucose 5% là 4h ở nhiệt độ 2-8°C	ACS Dobfar S.P.A Ý	
27	<b>MEROPENEM</b>	<i>Meropenem</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20ml nước cất tiêm (tiêm trong khoảng 5 phút) <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 20ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%), được dung dịch hoàn nguyên; dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với 50-200ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) (truyền từ 15 đến 30 phút)	Dung dịch thuốc tiêm (pha với nước cất) có độ ổn định trong vòng 3h ở nhiệt độ < 25°C hay 16h ở 2-8°C. Dung dịch tiêm truyền có độ ổn định sau khi pha (với NaCl 0,9% trong vòng 3h ở nhiệt độ < 25°C hoặc 24h ở 2- 8°C, với Glucose 5% nên sử dụng ngay lập tức	Công ty CPDP Minh Dân	



TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
28	<b>INVANZ 1g</b>	<i>Ertapenem*</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Lọ bột pha tiêm ertapenem được pha với 3,2 ml dung dịch lidocain pha tiêm 1% (không chứa epinephrin), lắc kỹ để đảm bảo tan hết. <b>TTM:</b> Hòa tan lọ bột pha tiêm 1 g ertapenem với 10 ml nước cất pha tiêm hoặc dung dịch NaCl 0,9% pha tiêm, lắc kỹ sau đó pha loãng với 50-100 ml dung dịch NaCl 0,9% pha tiêm.	Dung dịch thuốc sau khi hoàn nguyên có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng (15-25 °C) và truyền cho bệnh nhân trong vòng 6 giờ hoặc có thể giữ trong tủ lạnh (5°C) cho tới 24 giờ và phải truyền trong vòng 4 giờ từ khi lấy ra khỏi tủ lạnh. Không được làm đông lạnh dung dịch ertapenem natri	Laboratoires Merck Sharp & Dohme - Chibret	
29	<b>BUTAPENEM 500mg</b>	<i>Doripenem</i>	500mg	Bột pha tiêm	<b>TTM:</b> Hoàn nguyên: Thêm 10 ml nước cất pha tiêm hoặc dung dịch tiêm natri chlorid 0,9% vào lọ 500 mg doripenem, lắc nhẹ. Hỗn dịch này bắt buộc phải được pha loãng tiếp trước khi tiêm truyền cho bệnh nhân. Hỗn dịch sau khi hoàn nguyên được pha loãng tiếp bằng cách bơm vào 50-100 ml dung dịch natri chlorid 0,9% hoặc dung dịch glucose 5%, lắc đều để tạo dung dịch trong suốt.	Dung dịch thuốc đã pha loãng để truyền tĩnh mạch: Nếu pha trong dung dịch natri chlorid 0,9% sẽ ổn định trong 12 giờ ở nhiệt độ phòng (bao gồm cả thời gian truyền thuốc) hoặc trong 72 giờ khi bảo quản trong tủ lạnh (nhiệt độ 2 – 8°C, bao gồm cả thời gian truyền thuốc); nếu pha trong glucose 5% sẽ ổn định trong 4 giờ ở nhiệt độ phòng (bao gồm cả thời gian truyền thuốc) hoặc trong 24 giờ khi bảo quản trong tủ lạnh (nhiệt độ 2 – 8 °C, bao gồm cả thời gian truyền thuốc).	Cty CPDP Trung Ương 2	
<b>IV. Thuốc nhóm aminoglycosid</b>								
30	<b>AMIKACIN 500</b>	<i>Amikacin*</i>	500mg/ 100ml	Dung dịch tiêm	<b>TTM:</b> Truyền trong vòng 30-60 phút	Dung dịch sau khi mở ống phải dùng ngay.	Bidiphar	
31	<b>CHEMACIN</b>	<i>Amikacin*</i>	500mg/ 2ml	Dung dịch tiêm	<b>TB:</b> dùng dung dịch sẵn có <b>TTM:</b> - Đối với người lớn: dung dịch tiêm+ 100-200ml dung dịch (Glucose 5%, NaCl 0,9%) (truyền từ 30-60 phút) - Đối với trẻ em: Thể tích phụ thuộc vào nhu cầu người bệnh nhưng phải đủ để truyền trong 1-2 giờ (trẻ nhỏ), 30-60 phút (trẻ lớn)	Dung dịch sau khi pha bảo quản trong vòng 12h ở nhiệt độ 2-8°C, tránh ánh sáng	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l- Italy	

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
32	<b>GENTAMICIN 80MG/2ML</b>	<i>Gentamicin</i>	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	<b>TB:</b> dùng dung dịch sẵn có <b>TM:</b> dùng dung dịch sẵn có, tiêm trong ít nhất 2-3 phút. <b>TTM:</b> truyền tĩnh mạch với liều khuyến cáo được pha vào 50 – 200 ml dung dịch tiêm NaCl 0,9% (hoặc dung dịch tiêm glucose 5%) và truyền trong 30 phút - 2 giờ	Bảo quản nhiệt độ từ 2 - 30°C, tránh ánh sáng, không dùng dung dịch tiêm biến màu hoặc có vẩn	HDPharma	
<b>V. Kháng sinh nhóm marolid</b>								
33	<b>AZIMELAC 500 mg</b>	<i>Azithromycin</i>	500 mg	Bột Pha Tiêm	<b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 5 ml NCPT vào lọ, lắc nhẹ, để bột tan hoàn toàn. Pha loãng với 250-500 ml dd tương hợp: NaCl 0.9%, 0.45%, G5. Truyền tĩnh mạch ít nhất 60 phút.	Dung dịch hoàn nguyên/pha loãng ổn định trong 24 giờ khi bảo quản ở nhiệt độ dưới 25°C	Medlac Pharma Italy - VIỆT NAM	
<b>VI. Kháng sinh nhóm polymixin</b>								
35	<b>COLISTIN 1 MUI</b>	<i>Colistin*</i>	1 MUI	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 1 ml NCPT <b>TM:</b> Bột pha tiêm + không quá 10 ml NCPT hoặc NaCl 0.9% <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + không quá 10 ml NCPT hoặc NaCl 0.9%. Dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với khoảng 50-100 ml dd NaCl 0.9%.	Độ ổn định của dd sau khi pha là 24h ở nhiệt độ từ 2-8°C	CN Cty CPDP Imexpharm- Nhà máy công nghệ cao Bình Dương- VN	
36	<b>COLISTIN 2MUI</b>	<i>Colistin*</i>	2MUI	Bột pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 2 ml NCPT <b>TM:</b> Bột pha tiêm + không quá 10 ml NCPT hoặc NaCl 0.9% <b>TTM:</b> Bột pha tiêm + không quá 10 ml NCPT hoặc NaCl 0.9%. Dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với khoảng 50-100 ml dd NaCl 0.9%.	Độ ổn định của dd sau khi pha là 24h ở nhiệt độ từ 2-8°C	CN Cty CPDP Imexpharm- Nhà máy công nghệ cao Bình Dương- VN	
37	<b>COLIREX</b>	<i>Colistin</i>	3MUI	Bột pha tiêm + 5ml dung môi pha tiêm	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 5ml dung môi pha tiêm <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 5ml dung môi pha tiêm (tiêm chậm trong 5 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 5ml dung môi pha tiêm, dd hoàn nguyên+ 100ml NaCl 0,9% (truyền trong 30 phút)	Dung dịch sau khi pha được bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C trong vòng 24h	CTCP DƯỢC-TTBYT BÌNH ĐỊNH- VN	
<b>VII. Kháng sinh nhóm Quinolon</b>								

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
38	<b>CIPROFLOXACIN</b>	<i>Ciprofloxacin</i>	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	<b>TTM:</b> Đối với người lớn: truyền trong 30 phút Đối với trẻ em: 60 phút(1,2)	Bảo quản lọ thuốc ở nhiệt độ phòng < 30°C, tránh ánh sáng, tránh đông lạnh.	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	
39	<b>BIVELOX 250MG/50ML</b>	<i>Levofloxacin</i>	250mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền	<b>TTM:</b> dung dịch TTM (truyền ít nhất 30 phút)	Bảo quản lọ thuốc ở nhiệt độ phòng < 25°C, tránh ánh sáng.	Cty CP Dược-TTBYT Bình Định	
40	<b>LEVOGOLDS 750MG/150ML</b>	<i>Levofloxacin</i>	750mg/150ml	Dung dịch tiêm truyền	<b>TTM:</b> dung dịch TTM (truyền ít nhất 90 phút)	Bảo quản lọ thuốc ở nhiệt độ phòng < 25°C, tránh ánh sáng.	InfoRLife SA	
41	<b>MOXIFLOXACIN 400MG/250ML</b>	<i>Moxifloxacin*</i>	400mg/250ml	Dung dịch tiêm	<b>TTM:</b> dung dịch tiêm truyền (thời gian truyền trên 60 phút)	Bảo quản nhiệt độ phòng < 30°C, tránh ánh sáng.	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	
<b>VIII. Kháng sinh glycopeptid</b>								
42	<b>VANCOMYCIN 500</b>	<i>Vancomycin</i>	500mg	Bột pha tiêm	<b>TTM:</b> Bột pha tiêm + 10ml nước cất tiêm được dung dịch hoàn nguyên; dung dịch hoàn nguyên + 100ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) (thời gian truyền ít nhất 60 phút)	Dung dịch sau khi hoàn nguyên hoặc sau pha loãng với Glucose 5%, NaCl 0,9% ổn định trong vòng 14 ngày ở nhiệt độ 2-8°C	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	
43	<b>VALBIVI</b>	<i>Vancomycin</i>	1g	Bột pha tiêm	<b>TTM:</b> Bột tiêm + 10 ml nước cất tiêm được dung dịch hoàn nguyên. Dung dịch hoàn nguyên + 200ml (dd Glucose 5%, NaCl 0,9%) (thời gian truyền ít nhất 100 phút)	Dung dịch hoàn nguyên ổn định trong 145 ngày ở nhiệt độ 2-8°C, hoặc sau pha loãng với dung dịch Glucose 5%, NaCl 0,9% ổn định trong 14 ngày ở nhiệt độ 2-8°C	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco- Vn	
44	<b>TARGOCID</b>	<i>Teicoplanin</i>	400mg	Bột pha tiêm + 3ml NCPT	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 3ml NCPT <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 3ml NCPT <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 3ml NCPT, dung dịch hoàn nguyên pha loãng với Glucose 5% hoặc NaCl 0,9% (thường dùng pha với 20-100ml NaCl 0,9% truyền trên 30 phút) <b>Tiêm trong phác mạc:</b> dung dịch hoàn nguyên thêm vào dung dịch thẩm phân: 20mg Teicoplanin + 1L dd thẩm phân	Dung dịch hoàn nguyên ổn định trong vòng 24h ở nhiệt độ 2 -8°C	GRUPPO LEPETIT S.R.L- Ý	

TT	Biệt dược	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng và thể tích dung môi thêm vào	Bảo quản thuốc và dung dịch pha tiêm	Nhà SX	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
45	<b>FYRANCO</b>	<i>Teicoplanin</i>	400mg	Bột pha tiêm + 3ml NCPT	<b>TB:</b> Bột pha tiêm + 3ml NCPT <b>TM:</b> Bột pha tiêm + 3ml NCPT (tiêm từ 3-5 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột pha tiêm + 3ml NCPT. Dung dịch hoàn nguyên được pha loãng với 20-100 ml dung dịch NaCl 0,9%, Glucose 5% (thường dùng pha với NaCl 0,9% truyền trong 30 phút)	Dung dịch hoàn nguyên ổn định trong vòng 24h ở nhiệt độ 2 -8°C	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	
<b>IX. Kháng sinh cấu trúc epoxid</b>								
46	<b>FOSFOMED 2g</b>	<i>Fosfomycin</i>	2g	Bột pha tiêm	<b>TM:</b> Bột pha tiêm + 20ml (nước pha tiêm, Glucose 5%) (tiêm chậm 5 phút) <b>TTM:</b> hoàn nguyên bột tiêm+20ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%), dd hoàn nguyên được pha loãng với 100-500ml (Glucose 5%, NaCl 0,9%) (truyền trong 60-120 phút)	Dung dịch sau khi pha loãng ổn định trong vòng 24 giờ ở nhiệt độ < 25°C	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	
<b>X. Kháng sinh nhóm oxazolidinon</b>								
47	<b>INLEZONE 600mg/300ml</b>	<i>Linezolid*</i>	600mg/300ml	Dung dịch tiêm truyền	TTM trong 60 phút.	Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Am Vi	

#### Từ viết tắt

NCPT: Nước cất pha tiêm

G5: Glucose 5%

TTM: Truyền tĩnh mạch

TB: Tiêm bắp

RL: Ringer Lactate

TM: Tĩnh mạch

DD: dung dịch

#### Tài liệu tham khảo

- Quyết định Số: 708/QĐ-BYT ngày 02/3/2015 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn sử dụng kháng sinh”
- ASHP - Handbook on injectable drugs (2014)
- Alistair Gray, Jane Wright, Vincent Goodey and Lynn Bruce (2011). "Injectable Drugs guide"
- Bộ Y tế (2015), Hướng dẫn sử dụng kháng sinh
- Bộ Y tế (2023), Dược thư quốc gia Việt Nam
- Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc của nhà sản xuất